

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 44/2023/HS-ST

Ngày: 10/11/2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Long và Ông Trần Lê Luyện.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/TLST-HS ngày 25/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HS ngày 30/10/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn V; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 03 tháng 3 năm 1970; nơi sinh: Xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn T (Đã chết); con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1930; nghề nghiệp: Làm ruộng; hiện trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; anh chị em ruột có 8 người, bị can là con thứ 5; có vợ: Phạm Thị L, sinh năm 1976; nghề nghiệp: Lao động tự do; con: Có 02 người, đứa lớn sinh năm 1998, đứa nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 12/9/2023 đến ngày 13/10/2023, từ ngày 14/10/2023 đến nay được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Lưu Minh B; sinh năm: 1996; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lái xe; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hồ Văn Q; sinh năm: 2002; địa chỉ: Làng T, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Buôn bán; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Phạm Thị L; sinh năm: 1976; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; có mặt tại phiên tòa.

3. Anh Phạm Kim T1; sinh năm: 1991; địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/9/2023, Nguyễn Văn V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, sơn màu trắng-đen-bạc, biển kiểm soát 37N1-685.00 đi từ nhà mình sang thị trấn Đ, huyện Đ để mua điện thoại di động. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến ngã tư chợ H1 thuộc tổ dân phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, Nguyễn Văn V nhìn thấy chiếc xe tải, sơn màu trắng, biển kiểm soát 38C-134.95 đang đỗ bên trái đường. Bị cáo V nảy sinh ý định mở cửa xe tìm tài sản để lấy trộm nên mở cửa xe ra thì nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh của anh Lưu Minh B đang để trên một quyển sổ ghi chép giữa ghế lái và ghế phụ. Bị cáo V lấy chiếc điện thoại cất giấu trong túi quần bên trái của mình rồi điều khiển xe mô tô nói trên đi về nhà mình lấy chiếc điện thoại ra kiểm tra nhưng điện thoại bị khóa màn hình nên bị cáo tháo sim của điện thoại vứt trong khu vực vườn nhà, rồi cất giấu điện thoại vào cốp xe mô tô nói trên. Đến chiều ngày 10/9/2023, bị cáo V đi đến cửa hàng điện thoại “Tuấn H” ở xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An gặp anh Hồ Văn Q là chủ của hàng, bị cáo V đã bán chiếc điện thoại nói trên cho anh Hồ Văn Q với giá 2.800.000 đồng. Còn anh Lưu Minh B, sau khi bị mất trộm tài sản đã trình báo cơ quan Công an huyện Đ. Đến ngày 12/9/2023, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ triệu tập bị cáo Nguyễn Văn V đến làm việc và đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KLĐG-HĐĐGTS ngày 12/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc điện thoại Iphone 13 màu xanh, trị giá 15.000.000 đồng.

Quá trình điều tra thu giữ từ bị cáo Nguyễn Văn V số tiền 2.800.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha, sơn màu trắng-đen-bạc, biển kiểm soát 37N1-685.00, số máy JA39E0076500, số khung 3906HY076468, đăng ký chủ sở hữu là Nguyễn Văn V. Thu giữ từ anh Hồ Văn Q 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh, số seri CQL42NHGH3, số imei 1 355317930999098, số imei 2 35531730883680.

Quá trình điều tra đã xác định được vào tháng 7/2023, bị cáo V đã bán cho anh Phạm Kim T1 là con rể của V. Ngày 09/9/2023, anh T1 lên nhà bị cáo chơi thì bị cáo mượn chiếc xe nói trên đi mua điện thoại tại thị trấn Đ, huyện Đ, quá trình bị cáo V sử dụng chiếc xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội anh T1 không biết; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 là của anh Lưu Minh B do bị cáo V lấy trộm

nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu.

Đối với chiếc sim điện thoại của anh Lưu Minh B mà bị cáo đã vứt, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

** Về phần dân sự:* Sau khi nhận lại chiếc điện thoại, bị hại Lưu Minh B không yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hồ Văn Q yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.800.000 đồng tiền mua chiếc điện thoại, bị cáo đã nhờ vợ là bà L bồi thường cho anh Q; anh T1 đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Bà Phạm Thị L yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 2.800.000 đồng đã bồi thường cho anh Q.

Tại cáo trạng số 45/CT-VKSĐT ngày 20 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đề xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lưu Minh B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hồ Văn Q, Phạm Kim T1 không có yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Buộc bị cáo bồi thường cho bà Phạm Thị L 2.800.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo V số tiền 2.800.000 đồng đang tạm giữ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, xin giảm nhẹ hình phạt và không có khiếu nại gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, truy tố cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ, Kiểm sát viên đã ban hành, thực hiện các quyết định, hành vi tố tụng đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, có cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ và việc vắng mặt của họ không làm cản trở

việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án.

[2] *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tang vật thu hồi được và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/9/2023, tại khu vực chợ H1 thuộc thị trấn Đ, huyện Đ, bị cáo Nguyễn Văn V đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động Iphone 13 màu xanh của anh Lưu Minh B, trị giá tài sản bị cáo Nguyễn Văn V chiếm đoạt là 15.000.000 đồng. Bị cáo thực hiện tội phạm khi đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý, nhằm chiếm đoạt tài sản người khác. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo:* Bị cáo Nguyễn Văn V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ngoài ra bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình có công với cách mạng (Bố mẹ bị cáo là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng hạng Nhất) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] *Về quyết định hình phạt:* Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn V đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó không chỉ gây ra thiệt hại về mặt vật chất của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, xử phạt bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự như quan điểm Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] *Về xem xét trách nhiệm của người liên quan trong vụ án:* Trong vụ án này, anh Hồ Văn Q là người mua chiếc điện thoại của bị cáo nhưng anh Q không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có; anh Phạm Kim T1 cho bị cáo mượn xe mô tô nhưng bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội anh T1 không biết nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Anh Lưu Minh B, anh Phạm Kim T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Bà Phạm Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.800.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[7] *Về biện pháp tư pháp:* Số tiền 2.800.000 đồng thu giữ của bị cáo là của anh Hồ Văn Q mua điện thoại của bị cáo, nay bà L đã giúp bị cáo bồi thường cho anh Q nên xác định số tiền trên là của bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] *Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo:* Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm; bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 9 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/11/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cô ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V bồi thường cho bà Phạm Thị L số tiền 2.800.000 (Hai triệu tám trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V số tiền 2.800.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.800.000 (Hai triệu tám trăm ngàn) đồng của bị cáo Nguyễn Văn V để đảm bảo thi hành án.

4. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/11/2023). Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- CA huyện Đức Thọ;
- Chi cục THADS Đức Thọ;
- Cán bộ THA hình sự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, VT.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Huy Trọng